

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày 22/6/2018

V/v: Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn.
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXX- ST ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thùy N**, sinh năm 1985- Có mặt.

Địa chỉ: số nhà 18 phố Đ, thị trấn C, huyện Y, tỉnh B.

- Bị đơn: **Anh Lê Thanh T**, sinh năm 1981- Vắng mặt.

Địa chỉ: số nhà 226, đường T, khu 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01/3/2018, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Thùy N) trình bày: chị và anh Lê Thanh T kết hôn có được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh B ngày 19/01/2012. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh T làm dâu ngay, được vì hôm thì hai vợ chồng chuyển về nhà chị, sống chung cùng gia đình chị. Trong quá trình chung sống được hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh T không có công ăn việc làm nên hay cãi nhau. Đến cuối tháng 11/2012 do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên anh T đã bỏ về nhà anh T ở thị trấn T cho đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2012 đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình không động viên hòa giải gì vì xác định hai vợ chồng không thể chung sống được với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng không có con chung, hiện nay chị không có thai, vì vậy ly hôn chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Lê Thanh T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh T vắng mặt, gia đình (chị Nguyễn Ngọc B- là em gái của anh T) cung cấp như sau: Anh T là anh trai của chị, vẫn sống chung và có hộ khẩu thường trú tại gia đình của chị. Gia đình đã nhận được các thông báo, quyết định cũng như giấy triệu tập của Tòa án và thông báo, giao lại các giấy tờ của Tòa án cho anh T, nhưng do anh T hiện đi làm ăn tại Bắc Ninh, thỉnh thoảng mới về nhà, địa điểm cụ thể chị không biết vì anh T không nói, chị cũng không có số điện thoại của anh T để liên lạc. Khi anh T về nhà, chị đã giao lại các giấy triệu tập, thông báo, quyết định của Tòa án liên quan đến việc chị N làm đơn xin ly hôn anh T nhưng anh T không nói gì, không tỏ quan điểm gì về việc chị N có đơn xin ly hôn anh T, sau đó lại đi ngay. Về việc chị N xin ly hôn anh T, gia đình chỉ biết chị N và anh T ly thân đã nhiều năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau, đề nghị Tòa án xem xét. Vợ chồng anh T, chị N chưa có con chung. Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất của vợ chồng anh T, chị N không có tài sản gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2017 của chị N đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Thanh T (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương cũng như gia đình anh T cung cấp, hiện anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương, gia đình cung cấp anh T đi làm ăn ở Bắc Ninh còn làm việc gì, ở đâu thuộc Bắc Ninh thì gia đình không biết, địa phương xác định anh T mắc nghiện ma túy thường hay bỏ nhà đi còn cụ thể đi đâu thì địa phương không rõ nên hay vắng mặt tại nhà. Tuy nhiên gia đình và địa phương đều xác định anh T không đi hẳn khỏi địa phương mà vẫn thỉnh thoảng về gia đình bà Tuyết, chị B (là mẹ đẻ, em gái anh T và có hộ khẩu tại đây) và có mặt tại địa phương. Chị B là em gái anh T xác nhận đã giao cho anh T đầy đủ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, anh T đã nhận nhưng không có ý kiến gì, vì vậy xác định anh T cố tình lẩn tránh khai báo. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N, anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị N thấy rằng: qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết, vợ chồng chị N, anh T từ khi mới kết hôn được một tháng đã phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ việc hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, chị N cho rằng anh không có công an việc làm nên vợ chồng hay cãi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2012 đến nay, đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Thực tế chị N, anh T ly thân đã lâu, không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị N cần được chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Chị N xác định vợ chồng không có con chung, hiện nay chị không mang thai, vì vậy không xem xét giải quyết.

[4]. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác*: chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thùy N thuộc diện hộ nghèo, vì vậy được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy N được ly hôn anh Lê Thanh T.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân dự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Thùy N. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Thùy N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001277 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy N được ly hôn anh Lê Thanh T.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân dự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Thùy N do chị N thuộc diện hộ nghèo. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Thùy N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001277 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSND Hiệp Hòa
- THADS Hiệp Hòa;
- Các đương sự;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Xuân Toàn